TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/DS-PT
Ngày 28-4-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2023/TLPT-DS ngày 23/02/2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố 4, thị trấn DM, huyện DM, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/6/2022), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Từ Chí L, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông M Văn T1, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Ông M Minh T2, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp Cây Liễu, xã MT, huyện

D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. ông Đặng Văn O, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Ông Đặng Thu T3, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Từ Chí L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà M trình bày:**

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2020 bà yêu cầu ông L trả lại phần đất có diện tích 400m^2, thuộc một phần của thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21, đất toạ lạc tại ấp Cây Liễu, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Ngày 08/11/2021, bà yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc ông L phải trả lại phần đất có diện tích 674,3m^2 (trong đó 400m^2 đã yêu cầu, bổ sung thêm 274,3m^2 theo kết quả đo đạc thực tế) thuộc một phần của thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21, đất toạ lạc tại ấp Cây Liễu, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và ông L phải có nghĩa vụ di dời 1.000 cây tầm vông trên ra khỏi phần đất tranh chấp nêu trên.

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Bà được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00509 QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/5/2001 đối với phần đất có tổng diện tích 3.256m^2, thuộc thửa đất số 197 tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D. Nguồn gốc do mẹ của bà là bà Đoàn Thị Lê (đã chết năm 2019) tặng cho bà sau đó bà đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất của bà được cấp giáp với đường đất. Tuy nhiên, ông Từ Chí L là hàng xóm của bà đã tự ý trồng cây tầm vông trên phần đất thuộc một phần của thửa 197 của bà, theo kết quả đo đạc thực tế là 674,3m^2 và số cây tầm vông ông L tự ý trồng trên đất là khoảng 1.000 cây theo biên bản thẩm định của Toà án. Việc ông L trồng cây tầm vông thì bà có qua nói chuyện với ông L nhưng ông L không đồng ý chặt cây tầm vông mà còn ngang nhiên thách thức bà khởi kiện. Nhận thấy việc làm của ông L đã xâm phạm nghiêm trọng đến lợi ích của bà nên bà khởi kiện ra Toà để yêu cầu giải quyết.

Tại phiên họp, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông L và yêu cầu ông L trả lại phần đất có diện tích 674,3m^2, thuộc một phần của thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21, đất toạ lạc tại ấp Cây Liễu, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và ông L phải có nghĩa vụ di dời 1.000 cây tầm vông trên ra khỏi phần đất tranh chấp nêu trên. Bà thống nhất với kết quả đo đạc theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý (tranh chấp) số 308-2021 ngày 12/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng phần đất tranh chấp có diện tích 674,3m^2 và thống nhất kết quả định giá theo biên định giá trị đất và

tài sản tranh chấp ngày 03/6/2021 của Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, bà yêu cầu lấy kết quả này để giải quyết vụ án.

Đối với các cây trồng khác trên đất bà không tranh chấp không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bà không yêu cầu ông L di dời 1.000 cây tầm vông ra khỏi phần đất tranh chấp, bà đồng ý nhận 1.000 cây tầm vông ông L trồng trên phần đất của bà và đồng ý thanh toán giá trị bằng tiền lại cho ông L.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bà M có ông Đỗ Thanh T trình bày:**

Ông T thống nhất theo ý kiến của bà M, ông không có ý kiến gì bổ sung thêm.

*** Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Từ Chí L trình bày:**

Trước yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu ông trả lại phần đất có diện tích 674,3m^2, thuộc một phần của thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21, đất toạ lạc tại ấp Cây Liễu, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và yêu cầu ông phải có nghĩa vụ di dời 1.000 cây tầm vông trên phần đất tranh chấp nêu trên thì ông không đồng ý. Bởi vì, phần đất tranh chấp là do ông khai phá từ năm 1985. Sau khi khai phá ông đã trồng cây tầm vông trên đất và liên tục canh tác, thu hoạch cây tầm vông từ đó cho đến nay. Việc phần đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là do việc cấp giấy đất không chính xác với thực tế sử dụng đất. Phần đất tranh chấp được ông khai phá hiện bà M đang sử dụng vẫn còn là rừng, bà M chỉ về khu vực này sinh sống từ sau năm 1990 (không nhớ rõ năm nào), tức là khi bà M về đây sinh sống thì phần đất này ông đã trồng cây tầm vông và đang khai thác. Việc phần đất này nằm trong sổ đỏ của bà M thì ông không biết ngay từ đầu, chỉ khi bà M khởi kiện lên UBND xã Minh Thạnh thì ông mới biết, còn trước đó ông không để ý vì kể từ khi cấp sổ ông không sử dụng để cầm cố, hay đo đạc lại nên không biết sổ không phù hợp với thực tế. Ông hiện đang quản lý hai thửa đất 141 và 144 thuộc tờ bản đồ số 21 toạ lạc tại ấp Cây Liễu, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0462 QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/5/2001 theo hình thức là kê khai và được cấp sổ nên không phù hợp với thực tế sử dụng đất. Đối với 1000 cây tầm vông trên đất là tài sản hợp pháp của ông được trồng trên phần đất của ông khai phá nên ông không đồng ý di dời các cây tầm vông này. Ông thống nhất với kết quả đo đạc theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý (tranh chấp) số 308-2021 ngày 12/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng và kết quả định giá theo biên bản định giá trị đất và tài sản tranh chấp ngày 03/6/2021 của Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng và yêu cầu lấy kết quả này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đối với các cây trồng khác trên đất là của ông, ông không tranh chấp không yêu cầu giải quyết vì ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M.

*** Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Th trình bày:** Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của chồng bà là ông L, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, anh T2 thể hiện ý kiến:** Ông T1 và anh T2 là thành viên trong hộ gia đình, chung hộ khẩu với bà Đặng Thị Tuyết M.

Đối với việc UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00509/QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/5/2001 đối với thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.256m^2, tọa lạc tại ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D cho hộ bà M thì ông T1, anh T2 xác định chỉ là thành viên có tên trong sổ hộ khẩu của hộ gia đình bà M. Thửa đất nêu trên là thuộc quyền sử dụng của bà M chứ không liên quan gì đến ông T1 và anh T2. Ông T1 và anh T2 không công sức đóng góp và không có liên quan hay yêu cầu, tranh chấp gì trong vụ án này. Ông T1 và anh T2 đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông O và ông T3 thể hiện ý kiến:** Ông O và ông T3 là con ruột của bà Đoàn Thị Lê, anh em ruột với bà Đặng Thị Tuyết M, năm 2001 ông O và ông T3 có tên trong hộ khẩu chung với bà Đoàn Thị Lê nhưng không sống chung với bà Lê. Đối với phần đất bà M tranh chấp với ông L thuộc 01 phần của thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D không liên quan gì đến ông O và ông T3. Ông O và ông T3 không công sức đóng góp và không có liên quan hay yêu cầu, tranh chấp gì trong vụ án này, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 51/2022/DS-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện D đã tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Tuyết M đối với ông Từ Chí L về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với phần đất có có diện tích 674,3m^2, thuộc 01 phần của thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại ấp Cây Liễu, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00509/QSDĐ/QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 10/5/2001 cho hộ ông bà Đặng Thị Tuyết M (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2. Buộc bà Đặng Thị Tuyết M có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị 1000 cây tầm vông cho ông Từ Chí L số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/6/2022, ông Từ Chí L là bị đơn có đơn kháng cáo, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết khách quan của vụ án, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị công nhận cho bị đơn được sử dụng diện tích đất 674,3m^2.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đặng Thị Tuyết M (sau đây viết là nguyên đơn) khởi kiện ông Từ Chí L (sau đây viết là bị đơn) yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 674,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/5/2001 cho hộ nguyên đơn và nguyên đơn sẽ thanh toán lại giá trị cây tầm vông do bị đơn trồng trên đất.

[2] Bị đơn ông Từ Chí L khai: Phần đất trên bị đơn khai hoang, sử dụng từ năm 1985. Bị đơn trồng cây tầm vông trên đất và sử dụng cho đến nay. Việc UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn trong đó có phần diện tích đất tranh chấp 674,3m^2 thì bị đơn không biết, cấp đất không phù hợp pháp luật. Do vậy, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Theo hồ sơ quản lý đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài liệu, chứng cứ đã thu thập và lời trình bày của các đương sự. Thấy rằng: Nguồn gốc đất nguyên đơn sử dụng là khai phá năm 1990. Nguyên đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 20/11/1999, diện tích 3.256m^2 thuộc thửa số 197, tờ bản đồ số 21 có xác nhận của UBND xã MT ngày 17/3/2000 (bút lục 130) và ngày 10/5/2001, hộ nguyên đơn được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích được quyền sử dụng 3.256m^2 thuộc thửa 197, tờ bản đồ số 21. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ nguyên đơn có thể hiện hướng Tây của thửa đất số 197 tiếp giáp đường đất và hướng Nam thửa 197 tiếp giáp thửa đất số 144 của bị đơn. Nguồn gốc đất bị đơn sử dụng là khai phá 1985. Bị đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 25/11/1999 diện tích 34.103m^2 thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 33; thửa số: 144, 141 tờ bản đồ số 21 có xác nhận của UBND xã MT ngày 17/3/2000 (bút lục 132) và ngày 10/5/2001 hộ bị đơn được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 34.103m^2 thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 23 và thửa số 141, 144 tờ bản đồ số 21 (bị đơn không đăng ký thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bị đơn thể hiện: Thửa đất số 141 của bị đơn ở vị trí hướng Đông tiếp giáp đường đất rồi mới đến thửa đất số 197 của nguyên đơn (đường đất ngăn cách thửa đất 197 của nguyên đơn với thửa 141 của bị đơn) và cũng phù hợp bản đồ địa chính (bút lục 108), bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất được bị đơn ký xác nhận (bút lục 106, 107). Qua thẩm định và đo đạc thực tế do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D thực hiện tại Bản đồ địa chính ngày 12/5/2021 thì phần đất tranh chấp có diện tích 674,3m^2 tọa lạc tại xã

MT, thuộc thửa 197 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ nguyên đơn. Bị đơn cho rằng: Diện tích đất 674,3m^2 (nằm ở vị trí phía bên kia của con đường đất) là phần đất của bị đơn là không có cơ sở. Khi đăng ký quyền sử dụng đất, bị đơn cũng không đăng ký thửa đất số 197, tờ bản đồ số 21 và UBND cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn cũng không có khiếu nại gì về việc cấp đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ nguyên đơn là hợp pháp, được nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật. Khoản 16, Điều 3 Luật Đất đai quy định: *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất".* Khoản 1, Điều 26 Luật Đất đai bảo đảm của nhà nước đối với người sử dụng đất: *"Bảo hộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người sử dụng đất".* Khoản 1 và 10, Điều 12 Luật Đất đai quy định những hành vi bị nghiêm cấm: Lấn chiếm đất đai, cản trở gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Khoản 1, Điều 176 Bộ luật Dân sự về mốc giới ngăn cách các bất động sản: Chủ sở hữu bất động sản chỉ được dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn trên phần đất thuộc quyền sử dụng đất của mình. Qua thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì trên phần đất tranh chấp diện tích 674,3m^2 bị đơn đã trồng 1.000 cây tầm vông. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn thanh toán cho bị đơn 21.000.000 đồng giá trị 1.000 cây tầm vông (21.000 đồng/cây) là phù hợp. Tuy nhiên về cách tuyên án chưa chính xác, cần điều chỉnh lại và giữ nguyên bản án sơ thẩm..

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 16, Điều 3; khoản 1 và 10, Điều 12; khoản 1, Điều 26, Điều 166 Luật Đất đai.

- Căn cứ Điều 164 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều: 147, 148, 157, 165, khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều : 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Từ Chí L. Giữ nguyên Bản án số 51/2022/DS-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện D như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Tuyết M đối với ông Từ Chí L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Buộc ông Từ Chí L trả lại cho bà Đặng Thị Tuyết M diện tích đất 674,3m^2 thuộc thửa 197, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương (diện tích đất 674,3m^2 được ký hiệu phần A trên bản đồ địa chính ngày 12/5/2021 kèm theo bản án). Sau khi bà M thanh toán 21.000.000 đồng cho ông L thì bà M được quyền sở hữu 1.000 cây tầm vông của ông L và cây trồng khác trên diện tích đất 674,3m^2.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự huyện D hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Tuyết M: 750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045271 ngày 29/10/2020 và 2.057.250 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006894 ngày 03/11/2021. Ông Từ Chí L phải nộp 11.164.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Từ Chí L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007713 ngày 11/7/2022.

- Chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Ông L nộp 6.606.000 đồng để hoàn trả lại cho bà M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung